

Số: 5897/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Thống kê số 89/2015/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường) quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;

Căn cứ Quyết định số 2499/QĐ-BNNMT ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về phê duyệt và công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 26600/SNNMT-VPĐK ngày 17 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025 của Thành phố Hồ Chí Minh (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2025) như sau:

Tổng diện tích tự nhiên: 679.691 ha, bao gồm:

- Diện tích nhóm đất nông nghiệp: 451.358 ha;
- Diện tích nhóm đất phi nông nghiệp: 218.941 ha;
- Diện tích nhóm đất chưa sử dụng: 9.392 ha.

(Chi tiết diện tích từng loại đất theo đối tượng sử dụng đất, đối tượng được giao quản lý được thể hiện tại Biểu 01/TKKK và Biểu 03/TKKK kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Số liệu thống kê diện tích đất đai năm 2025 được công bố tại Điều 1 Quyết định này được sử dụng thống nhất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức công khai, cung cấp kết quả thống kê diện tích đất đai năm 2025 để các tổ chức, cá nhân sử dụng thống nhất theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 (kèm Biểu 01/TKKK, 03/TKKK);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TTUB: CT, các PCT;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- TT TTĐT Thành phố (đăng tin);
- Phòng ĐT/NHT;
- Lưu: VT, (ĐT/Tg).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nguyên Dinh



Đơn vị báo cáo:

Tỉnh: Thành Phố Hồ Chí Minh

Đơn vị tính diện tích: ha

Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Diện tích đất theo đối tượng sử dụng đất													Diện tích đất theo đối tượng được giao quản lý đất					
				Tổng số	Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNC)		Tổ chức trong nước (TCC)						Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (TTG)	Cộng đồng dân cư (CDS)	Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (TNG)	Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (NGV)	Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (TVN)	Tổng số	Cơ quan nhà nước, cơ quan dân và đơn vị vũ trang nhân dân (TCQ)	Đơn vị sự nghiệp công lập (TSQ)	Tổ chức kinh tế (KTQ)	Cộng đồng dân cư (CDQ)
					Cá nhân trong nước (CNCV)	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)	Cơ quan nhà nước, cơ quan dân và đơn vị vũ trang nhân dân (TCN)	Đơn vị sự nghiệp công lập (TSN)	Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (TXH)	Tổ chức kinh tế (TKT)	Tổ chức khác (TKH)											
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(6)	(5)+(6)+...+(17)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(19)+...+(22)	(19)	(20)	(21)	(22)	
	Tổng diện tích	TS	679.691	509.398	334.843	0	22.627	12.356	0	131.607	706	1.176	402	20	0	5.661	170.292	123.359	42.620	4.154	160	
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	451.358	380.479	287.146	0	4.299	5.681	0	81.685	398	103	15	0	0	1.153	70.879	30.247	40.631	0	1	
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	78.944	78.305	73.117	0	708	84	0	4.350	0	34	6	0	0	5	638	610	27	0	1	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	33.165	32.922	32.387	0	199	50	0	263	0	21	3	0	0	0	243	235	8	0	0	
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	16.343	16.269	16.086	0	5	21	0	154	0	3	1	0	0	0	74	74	0	0	0	
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	16.821	16.652	16.301	0	194	28	0	109	0	18	2	0	0	0	169	161	8	0	0	
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	45.779	45.383	40.730	0	510	35	0	4.087	0	13	3	0	0	5	395	376	19	0	0	
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	273.484	271.708	197.308	0	3.083	398	0	69.319	376	67	8	0	0	1.148	1.775	1.773	3	0	0	
3	Đất lâm nghiệp	LNP	78.849	11.324	68	0	10	5.042	0	6.204	0	0	0	0	0	0	67.525	26.946	40.580	0	0	
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD	16.954	189	0	0	0	189	0	0	0	0	0	0	0	0	16.765	16.765	0	0	0	
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	49.903	3.693	0	0	0	3.693	0	0	0	0	0	0	0	0	46.210	5.631	40.580	0	0	
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	11.993	7.443	68	0	10	1.161	0	6.204	0	0	0	0	0	0	4.550	4.550	0	0	0	
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	892	892	30	0	0	210	0	652	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	15.097	14.352	13.207	0	161	0	0	960	22	2	0	0	0	0	745	723	22	0	0	
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	167	167	56	0	0	0	0	112	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Đất làm muối	LMU	3.285	3.186	2.853	0	326	0	0	6	0	1	0	0	0	0	99	99	0	0	0	
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	1.532	1.437	537	0	10	156	0	734	0	0	0	0	0	0	96	96	0	0	0	
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	218.941	128.918	47.698	0	18.328	6.674	0	49.923	308	1.073	387	20	0	4.508	90.023	84.376	1.334	4.154	159	
1	Đất ở	OTC	51.624	51.603	45.568	0	331	88	0	5.418	0	0	0	0	0	199	20	14	6	0	0	
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	16.093	16.083	15.151	0	45	1	0	886	0	0	0	0	0	0	10	9	1	0	0	
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	35.530	35.521	30.416	0	286	87	0	4.532	0	0	0	0	0	199	10	4	5	0	0	
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	658	645	0	0	633	5	0	7	0	0	0	0	0	0	13	5	8	0	0	
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	14.773	14.729	0	0	14.728	0	0	0	0	0	0	0	0	0	44	44	0	0	0	
3.1	Đất quốc phòng	CQP	11.887	11.843	0	0	11.843	0	0	0	0	0	0	0	0	0	44	44	0	0	0	
3.2	Đất an ninh	CAN	2.886	2.886	0	0	2.885	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	8.312	7.935	7	0	489	5.755	0	924	294	0	42	20	0	403	377	372	6	0	0	
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1.138	1.092	0	0	255	714	0	80	0	0	42	0	0	1	46	46	0	0	0	
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	393	393	0	0	10	154	0	0	229	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	629	629	0	0	2	540	0	81	5	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	4.474	4.462	3	0	35	4.038	0	297	54	0	0	11	0	24	12	9	3	0	0	
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	1.433	1.122	3	0	177	158	0	403	5	0	0	0	0	376	311	309	2	0	0	
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	92	92	0	0	9	38	0	44	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	10	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	10	0	0	0	0	0	0	0	
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	141	133	1	0	1	112	0	18	0	0	0	0	0	0	8	8	0	0	0	
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	41.850	41.547	1.795	0	38	22	0	36.012	3	0	0	0	0	3.677	303	264	38	1	0	
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	23.777	23.777	0	0	0	0	0	20.890	0	0	0	0	0	2.887	0	0	0	0	0	
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	22.621	22.621	0	0	0	0	0	19.887	0	0	0	0	0	2.735	0	0	0	0	0	
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	1.156	1.156	0	0	0	0	0	1.003	0	0	0	0	0	152	0	0	0	0	0	
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3.926	3.919	284	0	19	10	0	3.525	0	0	0	0	0	81	6	5	2	0	0	
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	12.397	12.101	1.507	0	19	13	0	9.851	2	0	0	0	0	709	296	259	36	1	0	
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.750	1.750	3	0	0	0	0	1.746	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	47.298	9.422	23	0	1.306	727	0	7.119	11	0	9	0	0	227	37.875	33.721	466	3.602	86	
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	36.589	4.230	16	0	57	2	0	3.977	0	0	0	0	0	178	32.359	28.915	6	3.359	78	
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	5.433	505	0	0	0	1	0	504	0	0	0	0	0	0	4.928	4.308	416	197	8	
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	173	97	0	0	2	2	0	93	0	0	0	0	0	0	76	74	2	0	0	
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC	59	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	59	59	0	0	0	
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	508	405	0	0	336	68	0	0	1	0	0	0	0	0	104	97	7	0	0	
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	902	860	0	0	120	53	0	687	0	0	0	0	0	1	42	37	0	5	0	
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	618	615	0	0	0	29	0	584	0	0	0	0	0	2	2	0	0	2	0	
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	69	68	0	0	12	9	0	45	2	0	0	0	0	0	1	0	0	1	0	
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	221	152	6	0	62	23	0	62	0	0	0	0	0	0	69	62	8	0	0	
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2.725	2.490	0	0	717	541	0	1.168	8	0	9	0	0	46	236	169	27	39	0	
7	Đất tôn giáo	TON	1.050	1.050	0	0	0	0	0	0	0	1.030	20	0	0	0	0	0	0	0	0	
8	Đất tín ngưỡng	TIN	208	208	1	0	0	0	0	0	0	30	177	0	0	0	0	0	0	0	0	
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	2.206	1.448	223	0	787	0	0	287	0	13	138	0	0	0	759	735	0	23	1	
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	50.905	274	78	0	11	77	0	105	0	0	0	0	2	50.631	49.221	811	528	72		
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	8.494	263	76	0	8	77	0	100	0	0	0	0	2	8.231	7.370	811	30	20		
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	42.411	11	2	0	3	0	0	6	0	0	0	0	0	42.400	41.851	0	498	52		
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	58	58	3	0	4	0	0	51	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	9.392	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	9.391	8.737	654	0	0		
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	4.714	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	4.714	4.060	654	0	0		
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	1.296	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1.296	1.296	0	0	0		
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	77	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	77	77	0	0	0		
4	Núi đã không có rừng cây	NCS	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	3.304	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3.304	3.304	0	0	0		

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

(Đến ngày 31/12/2025)

(Kèm theo Quyết định số 5897/QĐ-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2016)

Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích theo từng đơn vị hành chính trực thuộc																																							
				Xã Thạnh An	Xã An Thới Đông	Xã Bình Khánh	Xã Cồn Giẽ	Xã Hiệp Phước	Xã Nhà Bè	Xã Bình Chánh h	Xã Hưng Long	Xã Bình Hưng	Xã Bình Lợi	Xã Tân Vĩnh Lộc	Xã Tân Nhựt	Xã Bà Điểm	Xã Xuân Thới Sơn	Xã Đông Thạnh	Xã Hóc Môn	Xã Củ Chi	Xã Bình Mỹ	Xã Phú Hòa Đông	Xã Thái Mỹ	Xã Nhuyễn Đức	Xã Nhơn Tây	Xã Tân An Hội	Phường Tân Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Thuận	Phường Tân Hưng	Phường An Lạc	Phường Tân Tạo	Phường Bình Trị Đông	Phường Bình Tân	Phường Bình Hưng Hòa	Phường Phú Định	Phường Bình Dương						
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(24)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)					
	Tổng diện tích	TS	679.691	12.088	26.059	15.901	18.018	6.351	3.715	2.133	3.559	3.262	5.409	3.396	3.054	4.371	2.739	3.511	3.002	1.668	6.485	5.462	5.970	6.234	6.203	7.761	5.352	651	1.050	1.022	850	1.027	1.491	717	1.111	846	580	893					
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	451.358	7.536	17.208	11.761	10.492	3.362	1.209	1.560	2.406	1.140	3.952	2.126	2.265	3.001	1.354	1.741	1.441	689	3.707	3.380	4.197	5.048	5.079	5.815	3.735	7	81	35	11	46	439	42	180	36	27	181					
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	78.944	10	393	476	280	131	3	782	1.362	220	2.208	724	1.151	1.763	1.332	1.121	1.146	567	2.481	1.719	2.228	3.168	1.790	1.747	1.620	2	76	5	6	25	390	36	155	33	22	81					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	33.165	0	0	60	0	131	0	635	1.192	149	563	93	458	1.661	579	669	205	318	1.318	1.36	1.418	2.330	856	294	790	0	0	0	0	1	370	0	130	0	0	19					
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	16.343	0	0	0	0	0	0	635	1.189	1	0	64	66	1.621	167	111	0	0	1.225	29	999	1.993	528	30	281	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	19				
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	16.821	0	0	60	0	131	0	0	3	148	563	29	392	39	412	558	205	318	94	108	419	337	328	264	509	0	0	0	0	1	370	0	130	0	0	0					
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	45.779	10	393	416	280	0	3	147	170	70	1.645	631	694	103	753	452	941	250	1.163	1.582	810	838	934	1.453	831	2	76	5	6	24	20	35	25	33	22	63					
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	273.484	46	1.058	1.185	616	2.175	950	752	887	310	863	1.181	797	1.071	15	609	278	112	1.177	1.621	1.923	1.819	2.946	3.985	2.057	6	0	23	6	8	48	3	4	2	0	31					
3	Đất lâm nghiệp	LNP	78.849	7.049	10.418	8.009	8.994	0	0	0	0	0	663	182	293	0	0	0	0	0	0	0	0	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD	16.954	0	0	0	0	0	0	0	0	0	30	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	49.903	7.049	10.418	8.009	8.994	0	0	0	0	0	346	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	11.993	0	0	0	0	0	0	0	0	0	287	182	293	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN	892	0	0	0	0	0	0	0	0	0	277	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	15.097	6	3.872	2.090	161	1.055	254	22	151	609	202	28	5	144	7	11	17	9	46	39	39	48	81	28	56	0	5	7	0	14	0	3	20	1	4	68					
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT	167	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
6	Đất làm muối	LMU	3.285	424	1.466	0	350	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
7	Đất nông nghiệp khác	NKH	1.532	0	0	1	89	0	2	3	5	2	16	11	18	22	0	0	0	1	3	1	7	13	222	54	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	218.941	4.242	8.851	4.140	4.439	2.989	2.507	573	1.152	2.122	1.457	1.268	789	1.371	1.384	1.770	1.560	978	2.778	2.083	1.773	1.186	1.124	1.946	1.617	643	969	986	839	980	1.052	674	931	810	553	713					
1	Đất ở	OTC	51.624	17	223	252	244	387	712	300	298	1.049	246	661	374	375	953	621	872	550	680	636	606	452	331	439	436	268	188	202	363	448	324	456	509	461	248	305					
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	16.093	17	223	252	136	387	578	95	277	0	187	274	276	113	953	621	872	442	680	636	606	452	331	439	323	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	35.530	0	0	0	108	0	134	205	22	1.049	59	386	97	262	0	0	0	108	0	0	0	0	0	0	114	268	188	202	363	448	324	456	509	461	248	305					
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	658	0	2	1	13	3	10	1	1	2	7	2	34	13	1	3	2	4	2	5	2	3	5	2	9	9	2	2	2	2	0	1	1	1	1	2	1				
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	14.773	1	2	1	39	1	95	0	10	3	5	0	1	6	4	12	0	46	437	1	2	3	145	108	227	3	12	1	17	2	2	0	6	9	3	2					
3.1	Đất quốc phòng	CQP	11.887	1	2	0	32	1	35	0	10	0	0	0	1	2	0	11	0	45	437	1	2	3	85	108	225	0	11	1	0	1	0	0	6	9	3	0					
3.2	Đất an ninh	CAN	2.886	0	0	1	6	0	60	0	0	3	5	0	3	4	1	0	1	0	0	0	0	0	60	0	2	3	1	0	17	1	2	0	0	0	0	1	2				
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	8.312	2	25	26	55	56	80	14	12	118	20	25	8	96	24	488	25	29	237	73	25	20	74	35	36	56	15	10	61	63	9	12	22	17	21	19					
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	1.138	0	2	1	19	1	19	3	0	50	0	4	2	15	3	1	1	3	13	54	1	2	2	5	3	3	1	0	1	1	2	1	2	0	0	2					
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	393	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	13	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	629	0	1	1	9	1	8	0	0	15	3	0	0	57	0	2	0	3	5	1	1	1	4	9	6	0	0	0	0	32	0	2	0	1	1	1					
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	4.474	1	15	23	19	53	50	11	11	42	17	15	5	22	21	484	19	21	21	16	19	12	51	16	21	33	9	9	57	21	7	9	18	15	19	16					
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	1.433	0	0	1	5	0	2	0	0	11	0	0	0	2	0	0	5	2	197	2	3	5	8	6	4	12	4	1	3	4	0	0	2	1	1	0					
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH	92	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0					
4.10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	141	0	8	0	3	0	1	0	0	0	5	0	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	2	0	0	0	6	0	0	0	0	1	0					
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	41.850	0	3	9	19	697	178	50	39	179	462	161	113	310	86	194	76	83	822	493	213	24	77	20	229	45	127	387	28	186	437	91	175	56	48	94					
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	23.777	0	0	0	0	667	0	0	0	138	149	79	81	89	0	63	0	0	594	373	52	0	28	0	142	0	0	296	0	0	298	0	87	0	0	0					
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	22.621	0	0	0	0	667	0	0	0	138	58	0	81	89	0	0	0	594	373	52	0	28	0	142	0	0	296	0	0	298	0	87	0	0	0	0					
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	1.156	0	0	0	0	0	0	0	0	0	91	79	0	0	0	63	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0						
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	3.926	0	0	1	13	7	167	4	2	4	4	3	7	11	1	6	6	14	15	51	4	7	0	5	61	45	43	14	18	20	1	9	9	3	7	56					
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	12.3																																								

Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích theo từng đơn vị hành chính trực thuộc																																				
				Xã Thạnh An	Xã An Thới Đông	Xã Bình Khánh	Xã Càn Giử	Xã Hiệp Phước	Xã Nhà Bè	Xã Bình Chánh h	Xã Hưng Long	Xã Bình Hưng	Xã Bình Lợi	Xã Tân Vĩnh Lộc	Xã Vĩnh Lộc	Xã Tân Nhựt	Xã Bà Điểm	Xã Xuân Thới Sơn	Xã Đông Thạnh	Xã Hóc Môn	Xã Củ Chi	Xã Bình Mỹ	Xã Phú Hòa Đông	Xã Thái Mỹ	Xã Nhuyễn Đức	Xã An Nhơn Tây	Xã Tân An Hội	Phường Tân Mỹ	Phường Phú Thuận	Phường Tân Thuận	Phường Tân Hưng	Phường An Lạc	Phường Tân Tạo	Phường Bình Trị Đông	Phường Bình Tân	Phường Bình Hưng Hòa	Phường Phú Định	Phường Bình Đông		
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+.....	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	(39)	(40)		
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	618	8	19	15	21	7	13	0	0	4	0	0	0	3	0	0	0	1	15	2	5	0	0	9	2	0	0	0	3	1	12	0	1	1	0	0	1	
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	69	0	0	0	2	1	0	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0		
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	221	0	0	0	0	1	1	1	4	1	1	2	0	1	1	9	1	1	1	1	1	1	1	1	1	1	0	0	1	2	0	0	2	1	1	1		
6.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	2.725	0	2	1	1	24	132	2	2	20	28	14	1	1	1	4	4	1	3	2	2	2	1	3	487	3	22	76	9	49	11	5	0	8	11	5	14	
7	Đất tôn giáo	TON	1.050	0	1	2	2	2	4	4	6	1	29	2	0	6	6	9	8	9	10	8	8	3	1	4	5	1	0	1	2	5	3	1	2	3	3	4		
8	Đất tín ngưỡng	TIN	208	0	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	1	1	2	1	1	4	2	3	2	1	1	1	0	4	0	0	0	1	0	0	1	1	1	2	1	
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	2.206	1	1	5	4	7	3	9	26	1	8	9	17	6	36	33	50	30	54	19	178	55	20	44	39	0	1	1	0	2	3	6	8	29	1	3		
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	50.905	4.198	8.318	3.632	3.838	1.461	907	20	265	344	222	53	25	201	17	18	180	6	4	460	258	29	40	173	0	85	462	201	115	7	2	0	22	2	93	96		
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	8.494	0	0	0	2	0	2	0	2	0	0	0	0	0	0	4	0	6	2	0	0	29	0	3	0	0	8	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	42.411	4.198	8.318	3.632	3.836	1.461	905	20	264	344	222	53	25	201	17	14	180	1	2	460	258	0	40	170	0	85	454	201	115	7	2	0	22	2	91	96		
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	58	0	0	0	0	1	3	0	0	0	0	0	0	0	2	0	45	0	0	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	9.392	309	0	0	3.088	0	0	0	1	0	0	0	2	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	4.714	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	1.296	309	0	0	217	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	77	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS	3.304	0	0	0	2.872	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Đơn vị báo cáo:
Tỉnh: Thành Phố Hồ Chí Minh
Đơn vị tính diện tích: ha

Phường Chánh Hưng	Phường Bình Tiến	Phường Bình Tây	Phường Bình Phú	Phường Phú Lâm	Phường Chợ Lớn	Phường An Đông	Phường Chợ Quán	Phường Vinh Hội	Phường Khánh Hội	Phường Xóm Chiếu	Phường Minh Phụng	Phường Bình Thới	Phường Phú Thọ	Phường Hòa Bình	Phường Vườn Lài	Phường Diên Hồng	Phường Hòa Hưng	Phường Bản Cờ	Phường Nhiều Lộc	Phường Xuân Hòa	Phường Cát Lái	Phường Bình Trưng	Phường An Khánh	Phường Phú Nhuận	Phường Cầu Kiệu	Phường Đức Nhuận	Phường Tân Phú	Phường Phú Thạnh	Phường Phú Thọ Hòa	Phường Tân Sơn Nhì	Phường Tây Thạnh	Phường Tân Sơn	Phường Tân Bình	Phường Tân Hòa	Phường Bảy Hiền	Phường Tân Sơn Hòa	Phường Tân Sơn Nhất	Phường Thạnh Mỹ Tây		
(41)	(42)	(43)	(44)	(45)	(46)	(47)	(48)	(49)	(50)	(51)	(52)	(53)	(54)	(55)	(56)	(57)	(58)	(59)	(60)	(61)	(62)	(63)	(64)	(65)	(66)	(67)	(68)	(69)	(70)	(71)	(72)	(73)	(74)	(75)	(76)	(77)	(78)	(79)		
465	162	106	284	200	167	133	128	119	106	193	127	152	137	98	128	184	259	100	171	222	1.968	1.480	1.523	146	123	216	248	302	301	350	397	1.003	222	148	286	265	321	450		
3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	329	358	16	0	0	0	0	0	3	16	8	2	0	0	0	0	0	0		
3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	263	229	11	0	0	0	0	0	3	16	6	1	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	254	104	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0			
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	254	104	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
3	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	9	126	0	0	0	0	0	0	0	3	16	5	1	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	23	40	3	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
463	156	105	283	200	167	133	128	119	106	193	127	151	137	98	128	184	259	100	171	222	1.639	1.122	1.506	146	123	216	248	302	298	334	389	1.001	222	148	286	265	321	450		
231	78	55	138	104	60	49	56	55	68	59	71	59	56	53	66	73	107	60	89	74	374	554	470	86	78	83	139	178	198	193	130	122	121	87	151	101	93	196		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
231	78	55	138	104	60	49	56	55	68	59	71	59	56	53	66	73	107	60	89	74	374	554	470	86	78	83	139	178	198	193	130	122	121	87	151	101	93	196		
7	1	1	1	1	1	2	1	1	1	2	1	3	0	2	5	2	2	1	1	21	9	2	4	3	1	2	2	0	0	3	1	0	2	1	1	1	1	2	1	
3	1	0	0	10	1	4	0	0	0	3	1	1	0	0	2	7	50	0	1	3	76	6	7	2	1	64	4	0	1	0	1	335	21	0	51	22	109	17		
0	0	0	0	9	0	2	0	0	0	3	1	0	0	0	2	5	41	0	1	2	74	6	7	1	1	63	1	0	1	0	1	335	20	0	51	21	108	16		
3	1	0	0	0	1	2	0	0	0	1	0	1	0	0	0	2	9	0	0	2	2	0	1	1	0	0	4	0	0	0	0	1	0	0	0	1	1	1	0	
37	7	5	17	6	26	16	20	6	5	12	5	7	28	5	10	28	24	6	6	35	69	51	53	9	5	8	8	6	11	16	7	2	7	9	7	3	22	23		
2	0	0	1	0	1	3	0	0	0	2	0	1	1	0	0	1	2	1	1	4	3	5	11	1	0	0	0	0	0	1	1	0	1	0	1	1	1	3	8	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
13	2	0	1	0	14	6	5	0	0	1	0	1	0	0	4	3	6	1	0	5	7	6	5	3	0	0	1	0	1	0	1	0	1	0	0	0	0	0	7	1
16	4	4	12	5	11	7	14	3	3	9	5	4	3	5	5	19	14	3	5	18	31	33	31	5	3	6	7	5	9	10	5	2	4	9	6	2	12	14		
5	0	0	3	0	0	0	1	2	1	0	0	1	24	0	0	4	2	0	0	2	5	6	5	0	1	2	0	0	0	5	1	0	1	0	1	0	0	0	1	
0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
10	14	7	22	18	13	7	8	6	0	17	4	8	7	12	3	29	12	4	6	22	276	16	87	5	1	6	45	44	5	23	168	18	16	17	6	39	19	17		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	117	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	104	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	117	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	104	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
1	3	2	4	13	5	5	2	2	0	9	1	0	3	2	3	29	12	4	4	22	0	15	82	5	1															

[illegible]

Phường Gia Định	Phường Bình Thạnh	Phường Bình Quới	Phường Binh Lợi Trung	Phường Thông Tây Hội	Phường Hạnh Thông	Phường Gò Vấp	Phường An Hội Tây	Phường An Hội Đông	Phường An Nhơn	Phường Long Trường	Phường Long Phước	Phường Phước Long	Phường Tân Nhơn Phú	Phường Long Bình	Phường Thủ Đức	Phường Hiệp Bình	Phường Tam Bình	Phường Linh Xuân	Phường Đông Hưng Thuận	Phường Trung Mỹ Tây	Phường Tân Thới Hiệp	Phường Thới An	Phường An Phú Đông	Phường Cầu Ông Lãnh	Phường Bến Thành	Phường Sài Gòn	Phường Tân Định	Đặc khu Còn Đào	Xã Châu Pha	Phường Tân Thành	Phường Tân Phước	Phường Tân Hải	Phường Phú Mỹ	Xã Phước Hải	Xã Đất Đỏ	Xã Long Hải	Xã Long Điền	Xã Bình Châu	Xã Hòa Hiệp	Xã Hòa Hội	Xã Bàu Lâm		
(80)	(81)	(82)	(83)	(84)	(85)	(86)	(87)	(88)	(89)	(90)	(91)	(92)	(93)	(94)	(95)	(96)	(97)	(98)	(99)	(100)	(101)	(102)	(103)	(104)	(105)	(106)	(107)	(108)	(109)	(110)	(111)	(112)	(113)	(114)	(115)	(116)	(117)	(118)	(119)	(120)	(121)		
276	332	636	389	323	338	282	380	328	321	2.452	3.440	926	1.965	2.639	875	1.597	1.071	1.227	828	692	804	1.486	1.469	159	185	303	124	7.556	6.564	6.163	8.362	5.186	7.092	7.044	11.977	2.793	5.144	8.706	9.928	#####	7.035		
0	0	260	0	6	0	1	13	32	5	987	1.722	84	141	288	73	152	214	91	80	86	104	582	274	0	0	0	0	6.701	4.718	5.169	2.482	3.939	2.359	5.436	9.924	1.507	3.756	7.747	6.845	#####	7.035		
0	0	184	0	6	0	1	11	32	5	191	326	31	32	71	60	110	166	74	80	83	91	582	271	0	0	0	0	68	1.319	323	291	696	245	1.668	7.367	494	1.850	362	566	1.151	635		
0	0	122	0	0	0	0	0	0	0	186	233	16	0	42	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	384	75	115	203	47	1.274	2.988	140	1.305	44	116	333	79		
0	0	34	0	0	0	0	0	0	0	51	104	5	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	8	41	1	122	7	843	1.998	0	1.062	31	112	319	62		
0	0	88	0	0	0	0	0	0	0	135	129	11	0	40	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	20	376	34	115	81	40	432	991	140	242	13	4	14	18		
0	0	62	0	6	0	1	11	32	5	5	93	15	32	29	60	110	166	74	80	83	91	582	271	0	0	0	0	48	935	249	176	492	198	393	4.379	355	546	318	450	819	555		
0	0	45	0	0	0	0	2	0	0	752	1.360	52	97	206	10	37	31	14	0	0	0	0	0	0	0	0	0	91	2.105	4.638	849	691	1.461	1.779	2.513	461	631	1.499	5.568	8.760	6.362		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6.539	1.258	0	1.326	2.366	506	1.191	0	487	369	5.760	655	2.185	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	5.890	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4.733	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	650	1.258	0	1.326	2.363	506	1.191	0	487	369	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	1.027	655	2.185	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	31	0	0	0	0	0	0	0	45	35	0	13	11	3	5	18	3	1	3	13	0	3	0	0	0	0	2	32	35	13	169	147	693	33	64	441	125	55	55	32	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	17	0	0	1	465	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	174	0	0	0	105	11	0	2	1	60	5	0	
276	332	376	389	317	338	281	367	296	316	1.465	1.718	843	1.824	2.350	802	1.445	857	1.137	747	607	700	905	1.195	159	185	303	124	685	1.752	960	5.621	1.218	4.703	1.370	2.049	1.105	1.388	847	3.083	1.416	5.348		
155	188	107	196	214	169	141	224	191	152	592	415	509	421	639	326	835	446	373	416	275	423	564	731	62	51	39	55	37	262	118	166	118	343	264	355	360	304	101	131	194	90		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	37	262	0	0	0	0	264	355	360	304	101	131	194	90		
155	188	107	196	214	169	141	224	191	152	592	415	509	421	639	326	835	446	373	416	275	423	564	731	62	51	39	55	0	0	118	166	118	343	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
2	4	2	1	1	1	3	3	2	4	1	1	1	3	2	5	2	2	2	4	9	3	5	5	1	5	14	3	4	2	1	3	1	6	3	10	1	13	0	0	1	1	0	0
1	2	0	4	1	46	60	0	0	2	0	18	14	21	84	22	5	2	31	4	90	21	0	0	24	2	21	0	93	202	20	964	308	105	32	17	16	113	1	2.307	0	4.319		
0	0	0	3	0	46	60	0	0	1	0	18	13	9	45	17	4	2	1	3	89	19	0	0	3	1	20	0	90	202	20	964	308	102	27	13	15	102	1	2.307	0	3.321		
1	2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	12	38	5	1	0	29	0	1	2	0	0	0	20	2	1	0	3	0	0	0	0	0	3	5	4	1	10	0	0	998		
19	20	14	9	8	8	5	10	13	14	28	32	39	175	711	65	30	29	194	45	111	22	21	19	7	20	36	9	23	44	19	19	19	19	61	43	47	58	62	13	126	30	21	
0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	3	1	72	351	6	2	2	1	30	3	2	0	3	0	8	6	0	7	3	3	1	4	7	6	11	4	28	1	0	3	3	2	
2	0	0	1	0	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	2	0	1	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	13	0	1	0	0	0	1	2	1	115	0	0	0	
5	1	0	0	2	0	1	0	1	0	0	1	0	11	10	0	2	7	10	1	2	1	0	0	1	3	9	1	3	0	0	1	0	6	5	1	7	7	0	0	0	1	0	
11	15	5	8	6	7	4	6	9	13	19	26	35	90	45	55	25	16	173	13	40	14	18	12	4	5	12	5	7	23	14	11	12	38	28	29	41	18	10	8	19	14		
0	4	1	0	0	0	0	2	2	1	4	1	2	2	303	1	1	2	6	0	0	5	0	4	0	3	4	0	1	5	2	6	3	8	2	4	3	5	1	2	7	7	3	
0	0	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	1	66	0	0	0	0	1	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	1	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	4	0	0	0	2	1	2	1	2	1	1	0	0	0	0
10	11	27	34	25	7	7	40	4	12	81	33	52	849	80	131	59	118	286	103	24	93	45	66	15	16	45	5	94	455	182	2.978	175	2.414	276	591	104	41	284	16	15	8		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	54	0	0	770	0	0	0	93	60	0	0	28	0	0	0	0	0	0	0	0	48	143	2.603	143	2.218	0	496	0	12	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	54	0	0	770	0	0	0	93	60	0	0	28	0	0	0	0	0	0	0	0	0													

Phường Gia Định	Phường Bình Thạnh	Phường Bình Quới	Phường Bình Lợi Trưng	Phường Thống Tây Hội	Phường Hạnh Thông	Phường Gò Vấp	Phường An Hội Tây	Phường An Hội Đông	Phường An Nhơn	Phường Long Trường	Phường Long Phước	Phường Phước Long	Phường Tăng Nhơn Phú	Phường Long Bình	Phường Thủ Đức	Phường Hiệp Bình	Phường Tam Bình	Phường Linh Xuân	Phường Đống Hưng Thuận	Phường Trung Mỹ Tây	Phường Tân Thới Hiệp	Phường Thới An	Phường An Phú Đông	Phường Cầu Ông Lãnh	Phường Bến Thành	Phường Sài Gòn	Phường Tân Định	Đặc khu Côn Đảo	Xã Châu Pha	Phường Tân Thành	Phường Tân Phước	Phường Tân Hải	Phường Phủ Mỹ	Xã Phước Hải	Xã Đất Đỏ	Xã Long Hải	Xã Long Điền	Xã Bình Châu	Xã Hòa Hải	Xã Hòa Hưng	Xã Bàu Lát		
(80)	(81)	(82)	(83)	(84)	(85)	(86)	(87)	(88)	(89)	(90)	(91)	(92)	(93)	(94)	(95)	(96)	(97)	(98)	(99)	(100)	(101)	(102)	(103)	(104)	(105)	(106)	(107)	(108)	(109)	(110)	(111)	(112)	(113)	(114)	(115)	(116)	(117)	(118)	(119)	(120)	(121)		
1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	0	0	0	23	4	0	9	0	0	5	0	0	1	0	0	0	3	0	0	46	23	20	1	0	18	98	0	0	0	6		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	2	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0			
1	0	0	0	1	1	0	0	0	0	2	1	1	2	1	1	1	11	1	1	1	0	0	1	0	2	0	0	1	2	2	2	2	5	3	4	5	3	1	1	2	2		
1	9	8	5	4	16	5	3	2	38	20	24	15	4	72	3	22	4	3	10	2	1	3	4	0	16	22	5	25	5	1	4	1	13	3	5	5	8	1	1	4	1		
6	4	8	10	5	5	2	1	8	2	3	0	3	12	20	17	8	23	11	5	1	3	3	4	2	2	8	1	0	12	7	51	26	122	15	14	16	17	3	17	6	2		
1	0	0	0	0	1	0	0	0	0	2	1	1	4	1	1	1	1	1	1	1	1	2	1	0	0	0	1	0	1	0	4	0	1	3	3	1	7	1	0	0	0		
0	1	0	1	6	2	2	2	4	1	7	7	3	8	51	5	3	31	24	7	6	12	6	1	0	0	0	0	2	23	5	6	6	4	19	5	8	54	6	5	15	7		
13	20	165	50	0	0	2	9	18	30	468	1.016	43	57	371	79	189	33	5	20	0	0	37	159	6	2	39	8	64	51	297	859	316	517	195	213	260	285	216	71	578	626		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	1	0	13	3	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	64	0	255	12	1	4	54	129	0	33	144	0	467	536		
13	20	165	50	0	0	2	9	18	30	466	1.016	43	57	370	79	177	30	2	20	0	0	37	159	6	2	39	8	0	51	42	847	316	513	141	84	260	251	72	71	111	91		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	171	94	33	259	29	30	239	4	182	0	111	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	12	90	33	259	28	30	41	4	1	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	144	4	0	0	1	0	198	0	27	0	111	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

Xã Xuyên Mộc	Xã Hồ Tràm	Xã Nghĩa Thành	Xã Kim Long	Xã Châu Đức	Xã Bình Giả	Xã Xuân Sơn	Xã Ngãi Giao	Phường Tam Long	Phường Long Hương	Phường Bà Rịa	Xã Long Sơn	Phường Phước Thắng	Phường Rạch Dừa	Phường Tam Thắng	Phường Vũng Tàu	Phường Bình Hòa	Phường Thuận An	Phường An Phú	Phường Thuận Giao	Phường Lái Thiêu	Phường Đông Hòa	Phường Tân Đông Hiệp	Phường Dĩ An	Phường Tân Hiệp	Phường Bình Cơ	Phường Vĩnh Tân	Xã Thường Tân	Xã Bắc Tân Uyên	Phường Tân Khánh	Phường Tân Uyên	Xã Phước Hòa	Xã An Long	Xã Phước Thành	Xã Phú Giáo	Phường Hòa Lợi	Phường Thới Hòa	Phường Tây Nam	Phường Long Nguyên	Phường Chánh Phú Hòa	Xã Bàu Bàng	Xã Trừ Văn Thố		
(122)	(123)	(124)	(125)	(126)	(127)	(128)	(129)	(130)	(131)	(132)	(133)	(134)	(135)	(136)	(137)	(138)	(139)	(140)	(141)	(142)	(143)	(144)	(145)	(146)	(147)	(148)	(149)	(150)	(151)	(152)	(153)	(154)	(155)	(156)	(157)	(158)	(159)	(160)	(161)	(162)	(163)		
#####	9.451	6.567	6.392	8.466	6.696	7.381	6.930	3.470	4.122	1.555	5.650	4.735	1.970	1.176	1.686	1.846	1.615	1.677	1.687	1.523	2.191	2.137	2.133	4.706	7.369	6.134	12.255	14.369	3.828	9.283	12.309	10.004	12.349	19.782	3.359	3.793	11.474	10.800	6.954	8.440	7.629		
9.384	7.592	4.411	5.460	7.720	5.818	6.027	4.552	2.503	2.830	700	3.158	2.404	169	118	455	269	856	352	507	529	261	594	192	2.433	6.205	3.545	7.006	11.731	2.428	6.337	10.334	8.958	10.421	17.807	2.361	661	8.964	9.217	5.152	5.167	6.569		
1.286	1.872	2.665	538	18	2.345	3.193	957	1.105	937	198	445	461	93	67	12	87	189	160	245	58	161	337	63	870	4	355	829	8	1.269	570	567	700	1.639	861	178	200	787	177	79	65	25		
263	935	666	129	3	1.093	788	246	542	657	109	74	0	0	0	0	0	32	0	24	1	21	26	0	544	0	229	754	0	830	198	87	76	95	279	0	149	424	63	0	9	14		
254	775	307	25	1	314	148	0	191	156	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11	104	0	0	0	0	0	0	295	0	0	0	0	
8	160	636	104	2	778	640	246	351	501	107	74	0	0	0	0	0	32	0	24	1	21	26	0	544	0	229	754	0	819	94	87	76	95	279	0	149	128	63	0	9	14		
1.024	937	2.000	410	15	1.252	2.405	711	563	281	89	371	461	93	67	12	87	157	160	220	57	140	310	63	326	4	126	75	8	439	372	480	624	1.544	582	178	51	363	114	79	57	11		
2.823	3.028	1.733	4.908	7.634	3.456	2.362	3.583	1.382	490	179	588	539	42	19	135	181	665	192	262	470	91	214	129	1.527	6.199	3.156	5.580	11.609	1.128	5.548	9.712	8.246	8.617	11.259	2.181	458	8.148	8.946	5.068	4.908	6.521		
5.199	2.494	0	0	63	0	424	0	0	342	0	821	366	28	3	297	0	0	0	0	0	0	0	0	0	31	0	29	497	67	4	206	0	1	0	5.634	0	0	0	0	0	189	0	
4.519	1.594	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	189	0			
0	901	0	0	63	0	424	0	0	342	0	821	366	28	3	297	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
681	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	31	0	29	497	67	4	206	0	1	0	5.634	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	29	0	0	0	0	1	0	375	0	0	0	0	0	0	0	0	
10	191	13	13	5	14	34	12	16	996	250	938	982	5	28	10	1	2	0	0	1	3	43	0	5	1	5	23	5	26	9	8	2	45	17	0	1	10	5	0	0	3	2	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	75	38	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	65	73	367	55	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
65	7	0	0	0	5	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0	5	47	8	120	36	1	2	20	89	5	2	22	
873	1.835	2.154	930	742	877	1.352	2.366	965	1.220	843	2.422	2.119	1.731	990	1.023	1.576	758	1.324	1.181	994	1.931	1.543	1.941	2.273	1.139	2.589	1.914	1.966	1.400	2.946	1.976	1.047	1.928	1.975	998	3.132	2.510	1.582	1.802	3.273	1.060		
124	231	240	192	193	168	128	451	341	168	228	171	330	285	276	348	386	266	484	377	369	538	627	740	481	205	545	106	168	410	352	283	123	143	283	380	1.044	255	481	600	852	259		
124	231	240	192	193	168	128	451	0	0	0	171	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	106	168	0	0	283	123	143	283	0	0	0	0	852	259		
0	0	0	0	0	0	0	0	341	168	228	0	330	285	276	348	386	266	484	377	369	538	627	740	481	205	545	0	0	410	352	0	0	0	380	1.044	255	481	600	0	0			
1	9	1	2	2	1	1	7	1	1	29	1	2	3	2	13	3	2	1	1	13	2	1	11	1	2	2	2	15	5	9	2	3	6	10	1	4	2	3	4	19	2		
13	35	1	0	35	0	0	8	20	5	29	49	158	34	179	48	330	0	0	21	4	6	31	119	1	0	3	198	223	1	44	415	1	815	335	15	18	7	0	38	10	0		
13	32	1	0	34	0	0	1	20	3	19	49	99	32	178	43	329	0	0	21	1	5	30	118	0	0	0	185	7	0	39	162	0	0	331	0	0	7	0	0	3	0		
0	4	0	0	0	0	0	6	0	2	10	0	58	1	1	5	1	0	0	0	2	1	1	2	1	0	3	13	216	1	6	253	1	815	4	15	18	0	0	37	6	0		
19	34	18	29	20	20	15	148	51	26	76	10	66	22	34	38	18	29	21	38	136	494	31	41	95	9	34	311	212	29	225	23	18	51	38	21	91	16	35	61	52	14		
3	6	1	6	2	2	2	9	5	2	9	0	2	1	1	9	2	6	1	2	4	4	5	4	0	1	3	9	9	4	5	3	4	4	8	0	1	3	13	5	6	2		
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	0	1	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	175	0	0	0	0	0	0	0	0	0	48	0	0		
0	3	0	1	0	1	1	12	12	0	6	0	6	0	3	3	2	0	2	2	6	1	1	7	84	1	4	1	3	1	6	1	1	1	3	0	2	1	1	1	8	1		
12	20	14	21	13	12	12	31	18	19	44	9	52	16	21	16	13	21	17	28	18	483	23	27	11	7	27	301	16	23	26	14	11	44	24	20	79	8	13	7	36	9		
2	3	2	1	5	2	1	95	2	4	7	0	1	2	6	2	0	0	1	3	106	7	1	2	0	1	0	1	4	1	186	4	2	1	3	0	9	4	7	1	2	1		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	2	0	0	0	3	0	0	12	0	10	0	3	1	3	7	0	0	0	3	1	0	1	0	0	0	0	0	0	5	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
83	551	1.284	3	52	141	165	995	87	123	25	529	259	450	271	127	498	76	575	429	93	285	366	732	1.186	604	1.247	426	433	321	1.564	324	42	81	280	272	1.212	1.275	405	454	1.652	128		
0	0	1.276	0	0	0	0	956	24	30	0	0	35	160	0	0	340	31	182	178	0	31	142	548	352	430	1.068	0	275	0	972	0	0	0	53	0	1.092	1.041	49	372	1.346	0		
0	0	1.276	0	0	0	0	926	0	0	0	0	0	160	0	0	340	0	182	113	0	31	142	512	325	430	1.068	0	275	0	756	0	0	0	0	0	1.092	972	49	372	1.346	0		
0	0	0	0	0	0	0	29	24</																																			

Xà Xuyên Mệc	Xã Hồ Tràm	Xã Nghĩa Thành	Xã Kim Long	Xã Châu Đức	Xã Bình Giả	Xã Xuân Sơn	Xã Ngãi Giao	Phường Tam Long	Phường Long Hương	Phường Bà Rịa	Xã Long Sơn	Phường Phước Thới	Phường Rạch Dừa	Phường Tam Thắng	Phường Vũng Tàu	Phường Bình Hòa	Phường Thuận An	Phường An Phú	Phường Thuận Giao	Phường Lái Thiêu	Phường Đồng Hòa	Phường Tân Đông Hiệp	Phường Di An	Phường Tân Hiệp	Phường Bình Cơ	Phường Vĩnh Tân	Xã Thường Tân	Xã Bắc Tân Uyên	Phường Tân Khánh	Phường Tân Uyên	Xã Phước Hòa	Xã An Long	Xã Phước Thành	Xã Phú Giáo	Phường Hòa Lợi	Phường Thới Hòa	Phường Tây Nam	Phường Long Nguyên	Phường Chánh Phú Hòa	Xã Bàu Bàng	Xã Trù Văn Thố		
(122)	(123)	(124)	(125)	(126)	(127)	(128)	(129)	(130)	(131)	(132)	(133)	(134)	(135)	(136)	(137)	(138)	(139)	(140)	(141)	(142)	(143)	(144)	(145)	(146)	(147)	(148)	(149)	(150)	(151)	(152)	(153)	(154)	(155)	(156)	(157)	(158)	(159)	(160)	(161)	(162)	(163)		
0	1	1	1	0	2	1	6	0	48	5	0	3	11	0	0	4	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	9	1	0	11	5	1	2	37	0	1	1	0	1	0	1	0	
0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	0	1	2	0	2	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0	0	1	10	0	0	0	0	0	0	0		
11	1	1	2	2	2	1	2	3	4	2	2	1	2	1	2	0	0	2	2	0	2	1	2	6	1	1	0	1	3	2	0	3	0	2	1	7	1	4	1	1	1		
1	7	5	4	1	1	1	33	5	6	57	2	12	3	8	22	15	2	3	18	15	12	38	7	9	2	41	3	10	3	7	3	0	0	8	2	59	0	10	4	65	4		
8	5	13	9	4	11	7	5	5	4	7	0	8	4	1	56	1	8	3	3	8	13	6	6	5	1	1	5	1	4	7	10	2	7	6	4	2	1	1	1	1	5		
1	1	0	1	0	0	0	1	3	0	1	2	1	0	2	1	2	2	2	2	3	4	9	6	6	8	1	4	3	0	10	9	1	4	1	1	5	0	1	1	1	0	0	
24	22	6	9	5	27	12	10	9	50	9	8	10	0	0	0	48	10	15	21	16	47	58	26	24	12	34	16	12	45	23	26	21	8	21	25	10	19	22	211	9	4		
287	458	266	137	27	178	696	195	20	550	100	1.486	840	748	39	150	62	118	0	1	127	118	61	0	158	43	84	471	275	326	294	421	410	283	373	53	41	401	162	70	25	65		
183	335	203	101	0	128	582	148	8	11	2	68	1	0	10	67	0	0	0	0	3	82	6	0	46	0	0	0	0	0	0	17	0	0	0	1	2	2	4	20	0	0		
104	124	62	36	27	50	114	47	12	539	98	1.418	839	748	29	83	62	118	0	1	124	36	55	0	112	43	84	471	275	326	294	404	410	283	373	52	39	399	159	50	25	65		
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
40	24	2	3	3	0	2	12	2	72	12	70	212	70	68	208	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	0	3.334	672	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
0	23	0	3	3	0	2	10	2	0	9	0	42	9	25	47	0	0	0	0	0	0	0	0	0	25	0	3.334	672	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
40	1	2	0	0	0	0	2	0	10	3	70	120	36	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	62	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	50	26	43	161	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	

Phườn g Bến Cát	Xã Thanh An	Xã Long Hòa	Xã Minh Thạnh	Xã Dầu Tiếng	Phường Chánh Hiệp	Phường Phú An	Phường Bình Dương	Phường Phú Lợi	Phường Thủ Dầu Một	Khu vực chưa thống nhất đường địa giới đơn vị hành chính
(164)	(165)	(166)	(167)	(168)	(169)	(170)	(171)	(172)	(173)	
10.090	14.028	16.094	16.482	18.431	2.004	3.505	5.818	1.795	1.557	
7.196	12.727	14.855	14.126	14.319	914	2.347	841	358	468	
362	231	556	148	538	245	693	37	132	93	
138	86	492	33	253	15	314	1	3	5	
0	0	0	0	0	0	277	0	0	0	
138	86	492	33	253	15	37	1	3	5	
223	145	64	116	285	230	379	37	130	89	
6.816	12.268	14.256	11.796	12.238	659	1.502	796	226	370	
0	210	2	2.114	1.538	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	2.114	1.538	0	0	0	0	0	
0	210	2	0	0	0	0	0	0	0	
0	210	0	0	0	0	0	0	0	0	
1	6	9	3	3	7	6	0	0	5	
0	0	0	54	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
18	13	32	10	2	3	147	7	0	0	
2.894	1.300	1.239	2.357	4.112	1.090	1.158	4.978	1.437	1.089	
717	152	160	144	254	542	351	1.273	648	499	
0	152	160	144	254	0	0	0	0	0	
717	0	0	0	0	542	351	1.273	648	499	
15	4	2	2	10	2	3	17	6	12	
31	8	0	1	100	11	7	5	331	46	
22	8	0	1	94	4	0	0	329	35	
9	0	0	0	6	7	7	5	3	11	
72	30	23	32	79	64	31	274	51	49	
18	4	6	9	43	6	5	18	7	3	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	
9	0	1	1	6	29	0	11	7	5	
41	20	15	21	20	25	24	88	33	28	
3	6	1	0	10	4	1	157	1	12	
0	0	0	0	0	0	0	0	1	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	
1.309	137	176	45	61	68	278	2.295	122	89	
836	53	107	0	0	0	0	1.773	0	0	
836	0	107	0	0	0	0	1.647	0	0	
0	53	0	0	0	0	0	126	0	0	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
29	53	2	5	3	35	207	93	43	32	
442	29	61	23	43	34	71	428	79	56	
1	2	5	17	15	0	0	0	0	0	
645	530	659	424	610	286	179	1.028	252	262	
571	504	554	350	553	255	163	726	228	206	
25	22	88	68	39	1	12	28	6	17	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	4	
0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	
0	1	7	0	6	1	0	0	8	0	
1	0	3	0	7	1	0	3	1	11	

[illegible]